

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST
Ngày 07-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Anh Tấn

Bà Trần Việt Hồng Phượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 07 Tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo: N T H, sinh ngày 24-5-1996 tại xã T H, huyện L H, tỉnh V L; Nơi cư trú: Số 13A, Lô B, khu dân cư ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N T H, sinh năm 1972 và bà P T T E, sinh năm 1977; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07 ngày 08-4-2022.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Ông N H D, sinh năm 1988; chết ngày 02-02-2022

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà H T G, sinh năm 1985 – là vợ

Nơi cư trú: Ấp V T, xã V N, huyện C T, tỉnh An Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đ P T, sinh ngày 06-10-1951
Nơi cư trú: Số nhà 803/1, ấp L K A, xã L H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.
Có mặt tại phiên tòa.

2/ Anh H P H, sinh ngày 21-11-2007
Nơi cư trú: Ấp V T, xã V N, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1/ Ông N P T, sinh ngày 20-01-1985
Nơi cư trú: Ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.
Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà V T M V, sinh năm 1988
Nơi cư trú: Ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.
Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Ông V V K, sinh ngày 26-11-1991
Nơi cư trú: Ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.
Vắng mặt tại phiên tòa.

4/ Bà H T T T, sinh ngày 01-12-1989
Nơi cư trú: Ấp T L B, xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02-02-2022, N T H điều khiển xe ô tô biển số 66A – 014.89 chở khách đi trên đường tỉnh 941 theo hướng T T – L T. Khi đến khu vực Tổ 13, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang, H thấy N H D điều khiển mô tô biển số: 60Y3 – 6981 chở con ruột là H P H, sinh ngày 21-11-2007; chạy cùng chiều phía trước theo hướng T T – L T. Lúc này, H không phát tín hiệu xin vượt xe nhưng đã điều khiển xe ô tô biển số 66A – 014.89 vượt lên bên trái xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 do D điều khiển, không bảo đảm an toàn làm mất ngoài lề chân bùn phía trước bên phải xe ô tô do H điều khiển va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô do D điều khiển làm D và H cùng xe mô tô ngã xuống đường. D được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang; Riêng H chỉ bị sây sát nhẹ, xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 bị hư hỏng.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, Đội Cảnh sát Giao thông, Trật tự – Công an huyện C T tiếp nhận tin báo và báo cáo Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T thành lập Hội đồng khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi,

khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông. Tiến hành kiểm tra nồng độ cồn của N T H, kết quả là 0,000mg/1 lít khí thở. Đồng thời tạm giữ xe ô tô biển số 66A – 014.89, xe mô tô biển số 60Y3 – 6981.

Ngày 08-4-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T Quyết định khởi tố vụ án số 21 và Quyết định khởi tố bị can số 15 đối với N T H để điều tra, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thanh Hiếu khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Trong quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị hại (ông N H D, sinh năm 1988; chết ngày 02-02-2022) có bà H T G là vợ trình bày: Bà là vợ của N H D. Cha ruột của D đã chết, còn mẹ ruột của D là N T T X đã ủy quyền cho bà tham gia tố tụng để giải quyết vụ việc tai nạn giao thông. Bà không chứng kiến vụ việc tai nạn giao thông làm D chết. Bà đã được H bồi thường 145.000.000 đồng, bà không yêu cầu bồi thường gì thêm và đã làm đơn bãi nại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho H. Đối với xe mô tô biển số: 60Y3 – 6981 bị hư hỏng, bà đã nhận lại xe mô tô, không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ P T trình bày: Xe ô tô biển số: 66A – 014.89 là của ông đứng tên sở hữu. Ngày 02-02-2022, ông cho H thuê xe ô tô biển số: 66A – 014.89 để H chở khách đi thành phố C Đ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, H điện thoại cho ông biết đã điều khiển xe ô tô biển số: 66A – 014.89 gây tai nạn giao thông. Ông đã nhận lại xe ô tô biển số: 66A – 014.89 và không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H P H trình bày: Anh là con ruột của D. Anh trình bày vụ việc tai nạn giao thông làm D chết phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Khi xảy ra tai nạn giao thông thì anh chỉ bị sây sát nhẹ ngoài da, anh không yêu cầu giám định và không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra người làm chứng ông N P Th, bà V T M V, ông V V K, bà H T T T trình bày: Phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố; hành vi của bị cáo N T H đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Bị cáo đã có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 66A – 014.89 tham gia giao thông đường bộ trên Tỉnh lộ 941 theo hướng T T – L T. khi đến khu vực Km 11 + 300 thuộc Tổ 13, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang. N T H điều khiển xe ô tô biển số 66A – 014.89 trên xe có chở 05 người lớn và 03 trẻ em. H thấy N H D điều khiển mô tô biển số 60Y3 – 6981 chở con ruột là H P H, sinh ngày 21-11-2007, chạy cùng chiều phía trước. Lúc này, H không phát tín hiệu xin vượt xe nhưng đã điều khiển xe ô tô biển số 66A – 014.89 vượt lên bên trái xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 do D điều khiển, không bảo đảm an toàn làm mất ngoài dè chắn bùn phía trước bên phải xe ô tô do H điều khiển va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô do D điều khiển làm D và H cùng xe mô tô ngã xuống đường. D được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang; riêng H chỉ bị sây sát nhẹ, xe

mô tô biển số 60Y3 – 6981 bị hư hỏng, cần phải sửa chữa, phục hồi, thay thế các loại phụ tùng trọn gói là 1.200.000 đồng. Do đó, H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 03-02-2022, của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T, tỉnh An Giang ghi nhận: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông theo hướng L T – T T là đường thẳng, được trải nhựa, bề rộng mặt đường là 07,00m, ở giữa có vạch sơn kẻ đường không liền nét, phần đường bên phải chiều rộng là 3,10m, phần đường bên trái chiều rộng là 3,90m; đoạn đường thuộc tuyến Tỉnh lộ 941.

Tại Biên bản khám nghiệm xe ô tô biển số 66A – 014.89 vào ngày 09-02-2022 của Công an huyện C T, tỉnh An Giang ghi nhận: Mặt ngoài dè chắn bùn trước bên phải có vết trầy xước kích thước (30 x 0,5)cm, tâm cách mặt đất 94cm. Mặt ngoài lốp trước bên phải có vết trầy xước, mài mòn kích thước (50 x 7,5)cm.

Tại Biên bản khám nghiệm xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 vào ngày 09-02-2022 của Công an huyện C T, tỉnh An Giang ghi nhận: Gương chiếu hậu trái bị xô dịch khỏi vị trí và cong từ trước ra sau; gù tay cầm trái bị cong vẹo, mài mòn kích thước (2 x 1,5)cm; đèn xi nhan bên trái phía trước bị bể; đèn xi nhan bên phải phía trước bị trầy xước; gát chân trước bên trái bị mài mòn; gát chân sau bên trái bị trầy xước. Hệ thống lái còn hoạt động bình thường; hệ thống phanh, đèn, còi còn giá trị sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 14/KLGT-PC09 (PYTT) ngày 07-02-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự – Công an tỉnh An Giang xác định nguyên nhân chết của ông N H D: Chấn thương sọ não.

Tại Bản kết luận định giá số 27/KL.HĐ ngày 19-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C T, tỉnh An Giang kết luận: Xe mô tô biển số 60Y3 – 6981, nhãn hiệu: Honda, loại: Wave RS, màu sơn: Xanh – Đen – Bạc, số máy: J0630882, số khung: 024330, đã qua sử dụng. Các loại phụ tùng xe bị hư hỏng một phần và hư hỏng hoàn toàn cần phải sửa chữa, phục hồi, thay thế các loại phụ tùng trọn gói là 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Biên bản kiểm tra nồng độ cồn trong máu; Biên bản khám nghiệm tử thi; kết luận giám định pháp y nêu trên.

Bản cáo trạng số 23/VKSCT-HS ngày 08-8-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo N T H về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền, bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo chấp hành tốt lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại, đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; bị cáo có bà ngoại là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 51. Do đó, cần áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt bị cáo N T H mức án 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án 07-9-2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

*Phần bồi thường dân sự, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là bà H T G và bà G không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên không đặt ra xem xét.

*Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho:

- Ông Đ P T 01 xe ô tô 7 chỗ biển số 66A – 014.89, nhãn hiệu: TOYOTA, màu sơn: Bạc, số máy: 2KDU470696, số khung: RL4ZR69G0E4018290 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Đ P T và 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 3030663

- Bà H T G 01 xe mô tô biển số 60Y3 – 6981, nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave RS, màu sơn: xanh – đen – bạc, số máy: 0630882, số khung: 024330 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên N T H và 01 giấy phép lái xe hạng A1 số: 890134004775 mang tên N H D.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C T hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKSCT-HS ngày 08-8-2022 gồm: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 860183007940 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05-11-2018 cho N T H, có giá trị sử dụng đến ngày 05-11-2028 là tài sản của bị cáo, bị cáo có yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sửa đổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này có người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02-02-2022, trên tuyến Tỉnh lộ 941 theo hướng T T – L T, tại khu vực Km 11 + 300 thuộc Tổ 13, ấp V T, xã V H, huyện C T, tỉnh An Giang. N T H điều khiển xe ô tô 7 chỗ biển số 66A – 014.89 trên xe có chở 05 người lớn và 03 trẻ em. H thấy N H D điều khiển mô tô biển số 60Y3 – 6981 chở con ruột là H P H, sinh ngày 21-11-2007, chạy cùng chiều phía trước. Lúc này, H không phát tín hiệu xin vượt xe nhưng đã điều khiển xe ô tô biển số 66A – 014.89 vượt lên bên trái xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 do D điều khiển, không bảo đảm an toàn làm mất ngoài dè chân bùn phía trước bên phải xe ô tô do H điều khiển va chạm vào tay cầm bên trái xe mô tô do D điều khiển làm D và H cùng xe mô tô ngã xuống đường. D được đưa đi cấp cứu và chết tại Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang; riêng H chỉ bị sây sát nhẹ, xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 bị hư hỏng, cần phải sửa chữa, phục hồi, thay thế các loại phụ tùng trọn gói là 1.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến tính mạng của bị hại ông D, làm hư hỏng tài sản tổng trị giá là 1.200.000 đồng; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn công cộng tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) ...;

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Như vậy, bị cáo H đã có hành vi điều khiển xe ô tô 7 chỗ biển số 66A – 014.89 tham gia giao thông đường bộ trên Tỉnh lộ 941 theo hướng T T – L T. Do H chạy xe vượt bên trái của xe mô tô biển số 60Y3 – 6981 do ông D điều khiển chạy cùng chiều phía trước, không đảm bảo an toàn; vi phạm vào khoản 23 Điều 8 và Điều 14 của Luật Giao thông Đường bộ năm 2008 gây tai nạn làm chết một người nên đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Trong những năm gần đây, tình hình tai nạn giao thông đường bộ diễn ra ngày càng nhiều, gây thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe và tài sản. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn là do người điều khiển phương tiện giao thông không tuân thủ luật giao thông đường bộ. Bị cáo là người thành niên, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình, điều khiển xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ; do bị cáo chạy xe vượt bên trái không đảm bảo an toàn, gây tai nạn giao thông. Hậu quả là bị hại tử vong. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây lo lắng cho người tham gia giao thông. Với tính chất mức độ phạm tội, hậu quả bị cáo đã gây ra cho bị hại cần thiết phải có mức án tương xứng để xét xử bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành những công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo vô ý phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình của bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo chấp hành tốt lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại, đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Từ sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến khi có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo cũng không vi phạm pháp luật gì mới; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động, làm lại cuộc đời; Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nghĩ không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội, mà có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị cũng đủ mức tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích chống và phòng ngừa chung trong xã hội đối với loại tội phạm này.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKSCT-HS ngày 08-8-2022 gồm: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 860183007940 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05-11-2018 cho N T H, có giá trị sử dụng đến ngày 05-11-2028 là tài sản của bị cáo, bị cáo có yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại (ông N H D, sinh năm 1988; chết ngày 02-02-2022) có bà H T G nhận tổng cộng là 145.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại bà G không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

[9] Án phí: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo N T H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo N T H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ P T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-9-2022);

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà H T G; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H P H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo N T H phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt N T H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án 07-9-2022.

Giao bị cáo N T H cho UBND xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N T H (người được hưởng án treo) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo H (người đó) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo H (người đó) phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào: Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Trả lại bị cáo N T H 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 860183007940 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05-11-2018 cho N T H, có giá trị sử dụng đến ngày 05-11-2028, theo Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKSCT-HS ngày 08-8-2022, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo N T H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo N T H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ P T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-9-2022);

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà H T G; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H P H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- UBND xã T D, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà